

Bản án số: 355/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03/4/2017

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Viết Hùng

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T

2. Bà Nguyễn Thị M

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2017 về tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan D, sinh năm: 1964; (Có đơn xin vắng mặt);

Thường trú: 547 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm: 1964 (vắng mặt);

Thường trú: 547 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 09/01/2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan D trình bày:

Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/1999.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng qua quá trình làm ăn thất bại thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp. Ông và bà H đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung:

- Phan Ngọc Quỳnh N - giới tính nữ, sinh ngày: 11/9/1993 (Đã trưởng thành);
- Phan Trần Duy T - giới tính nam, sinh ngày 02/6/2002.

Ông D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông D xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, ông Phan D vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/3/2017) ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và yêu cầu được nuôi con chung là trẻ T, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét. Thư ký phiên tòa đọc đơn xin vắng mặt và đơn xin ly hôn của ông Phan D.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt triệu tập tham gia phiên tòa cho bà H đúng quy định pháp luật nhưng bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định Điều 48, 49 của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn: Ông Phan D có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Thúy H xét tranh chấp phát sinh từ quan hệ Hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà H hiện cư trú tại địa chỉ E T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Phan D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/99 ngày 04/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và các chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện hôn nhân giữa ông D và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1/ Về yêu cầu xin ly hôn của ông D xét thấy trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do làm ăn thất bại. Ông D và bà H đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 20/2/2017 của Ban Điều Hành khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

“ Mâu thuẫn gia đình địa phương không rõ nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của đương sự”.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà H đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, ông có nguyện vọng được ly hôn.

Phía bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy bà H không còn quan tâm đến việc duy trì quan hệ hôn nhân với ông D, khả năng đoàn tụ không có, mặc khác ông D và bà H đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay cho thấy tuy giữa ông D và bà H tồn tại quan hệ hôn nhân trên pháp luật nhưng trên thực tế thì vợ chồng đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân, không muốn níu kéo lại hạnh phúc gia đình. Do đó, yêu cầu xin được ly hôn của ông D là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Qua phân tích trên Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2/ Về con chung: Có 02 con chung:

- Phan Ngọc Quỳnh N - giới tính nữ, sinh ngày: 11/9/1993 (Đã trưởng thành);
- Phan Trần Duy T - giới tính nam, sinh ngày 02/6/2002.

Ông D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T, không yêu cầu bà H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2017 trẻ T có nguyện vọng được sống cùng với bố và hiện tại trẻ T do ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Nên yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3/ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0023615 ngày 18/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đã được phổ biến tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, xác nhận của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan D được ly hôn bà Trần Thị Thúy H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 1/99 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/3/1999 không còn giá trị.

2/ Về con chung: Có 02 con chung:

- Phan Ngọc Quỳnh N - giới tính nữ, sinh ngày: 11/9/1993 (Đã trưởng thành);

- Phan Trần Duy T - giới tính nam, sinh ngày: 02/6/2002.

Giao ông D tiếp tục nuôi dưỡng trẻ T.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét.

4/ Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phan D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0023615 ngày 18/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông D, bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Viết Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Kim Thu

